

Báo cáo thường niên năm 2011

Annual Report 2011





**Dịch vụ hoàn hảo cho các chuyến hàng quốc tế
có thể tìm thấy ở đâu?**



SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.8) 3940 0447 - Fax: (84.8) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn

SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
ĐT: (84.8) 3732 1118 - Fax: (84.8) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn

SOTRANS
We make it simple!

MỤC LỤC

Phần 1: Lịch sử hoạt động của Công ty

Phần 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Phần 3: Báo cáo của Ban Giám Đốc

Phần 4: Báo cáo tài chính

Phần 5: Bản giải trình Báo cáo tài chính
và Báo cáo kiểm toán

Phần 6: Các công ty liên quan

Phần 7: Tổ chức và nhân sự

Phần 8: Thông tin cổ đông và Quản trị công ty



**Địa chỉ tin cậy về vận chuyển hàng không
có thể được tìm thấy ở đâu ?**



SOTRANS | Focus

Địa chỉ: Tầng 4, Lotus building, 16 Cửu Long,
Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3547 0853 - Fax: (84.8) 3547 0852
Email: focus@sotrans.com.vn

SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 18 Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3826 7256 - Fax: (84.8) 3826 7260
Email: support@sotrans.com.vn

SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: Tầng 4, 142 phố Đội Cấn,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 3732 1118 - Fax: (84.4) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS
We make it simple!



Phần I:
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1.1.1. Giới thiệu về Công ty:



Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
Tên viết tắt : Sotrans
Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593
Email : info@sotrans.com.vn
Website : www.sotrans.com.vn

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM – SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế, cảng thông quan nội địa.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ kho tại Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu Sotrans trên thị trường. Trong tương lai SOTRANS sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 7 đơn vị thành viên hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu. SOTRANS có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của Sotrans với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 37 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m², với hơn 150.000 m² sở hữu nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

SOTRANS được Hải quan TP.HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa

cho khách hàng. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, đối với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao.

SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate Palmolive ... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ logistics tại thị trường Việt Nam.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

1975 SOTRANS được thành lập.

1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận (SOTRANS F&W).

Thành lập XN Kinh doanh Thương mại (SOTRANS TRADING - sau này là XN hóa dầu SOLUBE).

1992 Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế (SOTRANS Logistics).

1993 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Đồng Nai.

1995 SOTRANS là thành viên Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI).

1996 SOTRANS là thành viên Hiệp hội Giao Nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS).

1997 Hợp tác với GEMADEPT xây dựng cảng ICD Phước Long 2.

SOTRANS là thành viên Hiệp hội Vận tải Giao nhận Quốc tế (FIATA).

1999 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.

2000 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.

2001 Đạt chứng nhận ISO 9001: 2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do tổ chức DNV cấp.

2002 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.

2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng ba.

2005 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhì.

SOTRANS là thành viên Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA).

2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.

2010 Thành lập XN Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu điểm (SOTRANS Focus).

Thành lập Cảng Kho Vận (SOTRANS ICD).

Thành lập XN Vật tư Xăng dầu (SOTRANS Petrol).

SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhất.

1.1.3. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần :

Sotrans chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007.

1.1.4. Niêm yết :

Sotrans niêm yết chính thức cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên: 02/03/2010.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã cổ phiếu: STG.
- Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 8.351.857 cổ phần.
- Tổng giá trị niêm yết: 83.518.570.000 đồng (tính theo mệnh giá).

1.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1.2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc.
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hoá.
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển.
- Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.
- Dịch vụ phát chuyển nhanh.
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hoá.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Mua bán dầu nhớt, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).
- Sản xuất, gia công sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn.
- Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ).
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- Mua bán sửa chữa tân trang các loại thùng phuy sắt nhựa.
- Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc.

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa.
- Đại lý bảo hiểm.
- Cho thuê xe ô tô.
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Đại lý bán vé tàu thủy.
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

1.2.2 **Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty có các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh kho.
- Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Cảng thông quan nội địa.
- Kinh doanh xăng dầu.

▪ **Dịch vụ kho:**

- Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...
 - Quận 4: Kho Bến Súc: 5.000 m²
 - Quận 7: Kho Viconship: 4.400 m²
 - Quận 9: Kho Phước Long: 15.000 m²
 - Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức: 10.000 m²
 - Kho, bãi Cảng Sotrans ICD: 75.000 m²
 - Kho ngoại quan: 3.000 m²
 - Các kho hợp tác kinh doanh tại
 - TP. HCM, Bình Dương, Phú Mỹ khoảng: 70.000 m²
 - Cảng kho vận tại Thủ Đức cầu cảng dài trên 400 m.

- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP.HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đông Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm trên hệ thống đường quốc lộ, khu vực ven TP.HCM, thuận tiện cho việc xuất, nhập hàng hóa, không bị cấm tải trong giờ cao điểm.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.



▪ **Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:**

- SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Asia + Australia: Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Philippin, Thailand, Taiwan, Russia.

Euro & Mediterranean: Belgium, Szech Republic, Denmark, Egypt, finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libia, Maldives, Malta, Netherland, Poland, Rumani, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraina, United Kingdom.

America, Afica & Middle East: Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Columbia, Costarica, Ecuador, Elsanvador, Ghana, Israel. Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagasca, Marocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria,

Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Africa, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hạn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.



▪ **Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu:**

- Sotrans cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.



▪ **Dịch vụ cảng thông quan nội địa:**

- Cảng Kho Vận - Sotrans ICD chính thức đi vào hoạt động từ vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...
- Với diện tích khai thác khoảng 9,4 ha (94.000 m²) với số tiền đầu tư ban đầu 50 tỷ đồng, vị trí khai thác chiến lược giúp kết nối các hoạt động logistics liên tục 24h/7 ngày.
- Các dịch vụ tại Sotrans ICD:
 - Điềm thông quan nội địa.
 - Nâng, hạ container.
 - Đóng rút hàng tại bãi.
 - Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
 - Dịch vụ xếp dỡ container.
 - Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
 - Lắp đặt thiết bị.
 - Thủ tục hải quan.
 - Kho đóng hàng lẻ.
 - Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
 - Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa.
 - Sửa chữa và vệ sinh container.
 - Vận chuyển hàng nội địa.
 - Hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày.

▪ **Kinh doanh xăng dầu:**

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ. Ngành kinh doanh xăng dầu của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh và dịch vụ tốt
- Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Sotrans khai thác tốt các khách hàng là các nghiệp tại khu vực Thủ Đức như Xi măng Hà Tiên, Nhiệt điện Thủ Đức, Thép Thủ Đức, Germadept...
- Sotrans từng là nhà nhập khẩu và phân phối dầu nhớt Esso và Exxon Mobil của Mỹ, sản xuất dầu nhớt Solube và hiện là nhà phân phối chính thức của dầu nhớt Valvoline tại thị trường Việt Nam. Valvoline trực thuộc tập đoàn Ashland một trong những tập đoàn đa ngành lớn của Mỹ, có hơn 140 năm kinh nghiệm trong việc phát triển, sản xuất và phân phối dầu nhớt. Uy tín và chất lượng đã được khẳng định trên toàn cầu.

- Với gần 30 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất và phân phối dầu nhờn, Sotrans đang từng bước triển khai hệ thống phân phối dầu nhờn Valvoline, dựa trên nền tảng các đối tác, khách hàng thân thiết của Sotrans.

1.1. Định hướng phát triển:

1.3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

▪ **Mục tiêu tăng trưởng:**

Tăng trưởng từ 10-15% hàng năm trong điều kiện tình hình kinh tế ổn định. Khi có biến động mạnh tác động đến ngành nghề kinh doanh như năm vừa qua, Sotrans phấn đấu ổn định doanh thu bán hàng qua các năm.

▪ **Mục tiêu lợi nhuận:**

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18 - 20% mỗi năm.

▪ **Mục tiêu thương hiệu:**

Thương hiệu Sotrans là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

▪ **Mục tiêu xã hội:**

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

1.3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Mục tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2012:**

Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2012

Chỉ tiêu	2009		2010		2011		2012	
	Triệu đồng	% (+/-) so với 2008	Triệu đồng	% (+/-) so với 2009	Triệu đồng	% (+/-) so với 2010	Triệu đồng	% (+/-) so với 2011
Vốn điều lệ	83.520	32.520	83.520	-	83.520	-	83.520	-
Doanh thu thuần	500.000	(131.327)	540.000	40.000	619.670	79.670	660.000	40.33
Lợi nhuận sau thuế	21.000 ^(*)	(2.010)	23.000 ^(*)	2.000	24.025	1.025	25.500	1.475
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,2%	(0,55)%	3,7%	0,1%	3,87%	0.17%	3,86%	(0.01)%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	25,14%	(19,97)%	23,95%	(1,19)%	28,75%	4.8%	30.53%	1.78%
Cổ tức/Vốn điều lệ	18%		18%		20%		20%	

(^{*}): Năm 2009 và 2010, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ năm 2011 trở đi, Công ty trả mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

▪ **Mục tiêu tăng trưởng thông qua đầu tư:**

- Đầu tư thiết bị cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD).
 - + Diện tích bãi cảng và kho: khoảng hơn 75.000 m², cầu cảng dài hơn 400 mét: 2 hạng mục này đã được đầu tư.
 - + Trang thiết bị: Cầu cố định; xe nâng hạ container; xe vận tải trên 20 tấn và các thiết bị khác: ước khoảng 51,7 tỷ đồng.
 - + Xây dựng, trang bị văn phòng Hải Quan; văn phòng ICD và địa điểm phụ trợ khác: ước khoảng 3,3 tỷ đồng.
 - + Chi phí dự phòng: khoảng 500 triệu đồng.
 - + Tổng giá trị đầu tư khoảng 55,5 tỷ đồng không tính hạ tầng kho, bãi cảng đã đầu tư.

Hiệu quả đầu tư:

- + Bình quân doanh thu thuần hàng năm: 60 -> 80 tỷ đồng.
- + Bình quân lợi nhuận sau thuế: 11 -> 27 tỷ đồng.
- + Bình quân lợi nhuận trên doanh thu: 18 -> 34%.
- + Lợi nhuận / Tổng mức đầu tư (ROI): 84 -> 260%.
- + Lợi nhuận/ Tổng tài sản đầu tư 91 -> 279%.

Chênh lệch tự quản lý điều hành/ Cho thuê ICD:

- + Doanh thu tăng khoảng 40 - 60 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận tăng khoảng 5 - 21 tỷ đồng.

- Lập dự án đầu tư: Hệ thống kho Sotrans tại các khu vực TP. HCM, Bình Dương, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu.
- Nghiên cứu đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng (theo quy hoạch của TP. HCM).
 - o Khu đất dự kiến đầu tư: tại số 1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP. HCM và số 117A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q4, TP. HCM.
 - o Địa điểm: bờ sông Sài Gòn và mặt tiền đường Nguyễn Tất Thành.
 - o Diện tích đất: hơn 13.000 m².
 - o Tiến độ dự án: đang chờ quy hoạch của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM.





Cảng thông quan nội địa nào có vị trí vượt trội tại TP. HCM ?



SOTRANS|ICD

Địa chỉ: Km 09 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3731 0033 - Fax: (84.8) 3728 3324
Email: icd@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn





Phần II:
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2011 VÀ NHIỆM KỲ I (2007 -2011)
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

I. Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2011:

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005 và Điều 25 Chương VIII Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/10/2009; Nghị quyết số 127/NQ-HĐQT ngày 19/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2011 cụ thể như sau:

1. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 5 phiên thường kỳ, 3 phiên bất thường và 5 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có mời TGD tham dự .
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn TGD và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.

2. Các biên bản nghị quyết HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2011, HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ đã được thông qua như: báo cáo tài chính quý, 6 tháng và hàng năm. HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- 2.1.** Thông qua sửa đổi, bổ sung quy chế lương thưởng và quy chế kế toán tài chính Công ty.
- 2.2.** Quyết định thành lập Phòng Quản trị Nguồn nhân lực và Ban Nghiên cứu và Phát triển trực thuộc công ty và ủy quyền cho Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục thành lập phòng, Ban và bổ nhiệm cán bộ 2 Phòng, Ban mới thành lập nêu trên.
- 2.3.** Cơ cấu lại nhân sự quản lý và chuyển đổi cơ cấu kinh doanh của Xí Nghiệp Vật tư xăng dầu, chuyển hướng tập trung kinh doanh vào sản



phẩm dầu nhờn Vavoline để phù hợp với tình hình biến động của thị trường nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp.

- 2.4. Cơ cấu lại và ổn định hoạt động của Chi nhánh Hà Nội cả về nhân sự và bộ máy tổ chức, hiệu quả kinh doanh thay đổi tích cực.
 - 2.5. Cơ cấu và tổ chức lại nhân sự cấp quản lý tại ICD, Xí nghiệp Kho Bãi Cảng.
 - 2.6. Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu Chiến lược phát triển kho bãi 2012-2016 (là lĩnh vực kinh doanh chính đang mang lại hiệu quả tốt cho Công ty) trình ĐHĐCD năm 2012.
- **Công tác tài chính:**
 - 2.7. Phê duyệt kế hoạch vốn năm 2011 đồng thời giám sát sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả.
 - 2.8. Phê duyệt báo cáo kiểm toán 6 tháng và năm 2011 đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán.
 - 2.9. Tiến hành chi trả cổ tức năm 2011 là 20%/năm bằng tiền mặt đúng quy định và thời gian, trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ công ty đồng thời giám sát thực hiện đúng pháp luật, quy chế công ty.

3. Thay đổi thành viên HĐQT:

- Từ đầu năm đến 24/5/2011, HĐQT có đủ 5 thành viên.
- Ngày 19/04/2011, căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua đơn từ chức của Ông Hoàng Quyển – Chủ tịch HĐQT.
- Ngày 24/05/2011, căn cứ Nghị quyết số 193/NQ-HĐQT, Hội đồng quản trị thông qua đơn xin từ chức của ông Trần Huy Hiền – Thành viên HĐQT.
- Tính đến từ thời điểm 24/05/2011 đến nay, HĐQT gồm 4 thành viên trong đó:
 - ✓ 1 thành viên được bầu tại Đại hội cổ đông thành lập, tổ chức ngày 18/12/2006 trực tiếp làm cán bộ điều hành công ty
 - ✓ 3 thành viên độc lập được bầu bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 10/04/2010 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 19/04/2011.

4. Giao dịch của thành viên HĐQT và người có liên quan: Công ty không cấp bất kỳ khoản vay, bảo lãnh tín dụng nào cho các thành viên HĐQT hay người có liên quan của họ.

5. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

6. Kết luận:

Năm 2011, mặc dù hoạt động SXKD vẫn gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới đang phục hồi chậm, thiên tai lũ lụt làm thiệt hại nhiều vùng miền trong cả nước, chỉ số CPI cao, song HĐQT đã kịp thời định hướng phù hợp, tập trung chỉ đạo điều hành để ổn định các lĩnh vực SXKD chủ lực như kho vận, giao nhận, giải thể, cơ cấu lại một số đơn vị kém hiệu quả, sắp xếp lao động hợp lý và sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch, nhưng lợi nhuận (loại trừ phần thanh lý tài sản) vẫn cao hơn so với cùng kỳ; các giải pháp trên đã giúp ổn định doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn và chuẩn bị tiền đề để phát triển năm mới.

II. Tổng kết hoạt động Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2007 -2011):

1. Các cuộc họp của HĐQT và Nghị quyết HĐQT:

Trong 5 năm, HĐQT tổ chức họp 23 phiên thường kỳ, 6 phiên bất thường và 11 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản. HĐQT đã ban hành 40 Nghị quyết với một số nội dung chính như sau:

• **Năm 2007:**

- Quyết định góp 35% vốn thành lập công ty cổ phần liên doanh với nước ngoài trị giá 105.000 USD.
- Quyết định đầu tư xây dựng văn phòng tại số 15 Hoàng Diệu, Q4 và đầu tư phần mềm (kế toán, quản lý – sản xuất mua bán dầu nhớt, đại lý giao nhận hàng hoá).
- HĐQT đã bổ nhiệm bổ sung 1 thành viên HĐQT thay thế một thành viên bị đột tử và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng đồng



thời ủy quyền Tổng Giám Đốc bổ nhiệm 43 chức danh cán bộ điều hành từ cấp xí nghiệp trở xuống.

- Quyết định ban hành 11 quy chế và các văn bản quản lý nội bộ của công ty gồm: quy chế lương- thưởng, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ, thực hiện dân chủ, đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán tài chính, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động.

- **Năm 2008:**

- Đề xuất phương án bán (chuyển quyền sử dụng đất) khu đất Đà Lạt khoảng 800m² và trạm kinh doanh xăng dầu tại xã Ngũ Phúc, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Nhận diện được rủi ro trong đầu tư tài chính ngắn hạn đã có nghị quyết dừng mua cổ phiếu, tập trung phân tích thị trường để bán cổ phiếu đã mua không để lỗ phát sinh thêm.
- Phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn nghiên cứu chiến lược kinh doanh Kho Bãi Cảng Thủ Đức giai đoạn 2010-2020.
- Trình sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, quyết định bổ sung, sửa đổi 4 Quy chế quản lý nội bộ.
- Xem xét, bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới 6 cán bộ giữ chức Tổng Giám Đốc, phó Tổng Giám Đốc, kế toán trưởng. Ủy quyền Tổng Giám Đốc xét bổ nhiệm 49 cán bộ từ cấp trưởng, phó phòng đến Giám đốc các xí nghiệp, chi nhánh.
- Đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức văn phòng đại diện tại Miền Trung; sáp nhập trạm kho Bến Súc vào XN Dịch vụ Kho vận Giao Nhận; giải thể trung tâm du lịch và dịch vụ thương mại Miền Nam.

- **Năm 2009:**

- Giám sát thực hiện chấm dứt hoạt động đơn vị Trung tâm du lịch và chuyên nhượng bất động sản Trạm xăng dầu Ngũ Phúc – Đồng Nai đúng pháp luật và tại thời điểm có lợi cho công ty.
- Xem xét phương án phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đồng thời trình phương án niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM .
- Quyết định đầu tư máy móc thiết bị khai thác cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD) giai đoạn 2010 với mức đầu tư là 35 tỷ đồng trong tổng kế hoạch đầu tư là 50 tỷ đồng của giai đoạn I.
- Trình sửa đổi điều lệ công ty theo điều lệ mẫu của công ty niêm yết



- Ủy quyền Tổng Giám đốc bổ nhiệm cán bộ tại 2 đơn vị mới thành lập là Sotrans ICD và Sotrans Focus.
- **Năm 2010:**
 - Giám sát thực hiện chấm dứt hoạt động của 3 đơn vị SXKD kém hiệu quả: Trạm xăng dầu Ngũ Phúc – Đồng Nai; Chi nhánh công ty tại Cần Thơ; Đồng thời tổ chức thành lập mới 2 đơn vị là Cảng Kho Vận (Sotrans ICD) và xí nghiệp giao nhận VTQT Tiêu Điểm; Tổ chức lại xí nghiệp hoá dầu Solube thành xí nghiệp Vật tư xăng dầu.
 - Hoàn tất phương án niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.
 - Quyết định điều chỉnh đầu tư khai thác cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD) giai đoạn 2010 với mức đầu tư là 26 tỷ đồng trong tổng kế hoạch đầu tư là 50 tỷ đồng của giai đoạn I. Tỷ lệ đầu tư đạt thấp do hiệu quả khai thác cảng chưa cao nên phải điều chỉnh thận trọng hơn về tiến độ.
- **Năm 2011:**
 - Cơ cấu lại nhân sự quản lý và chuyển đổi cơ cấu kinh doanh của Xí Nghiệp Vật tư xăng dầu, chuyển hướng tập trung kinh doanh vào sản phẩm dầu nhờn Vavoline .
 - Cơ cấu lại và ổn định hoạt động của Chi nhánh Hà Nội cả về nhân sự và bộ máy tổ chức, hiệu quả kinh doanh thay đổi tích cực.
 - Cơ cấu và tổ chức lại nhân sự cấp quản lý tại ICD, Xí nghiệp Kho Bãi Cảng.
 - Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu Chiến lược phát triển kho bãi 2012-2016 (là lĩnh vực kinh doanh chính đang mang lại hiệu quả tốt cho Công ty) trình ĐHĐCĐ năm 2012.
 - Bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị mới, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị mới, Tổng Giám Đốc mới để thay thế nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc đã đến tuổi nghỉ hưu, bầu bổ sung 1 thành viên Hội đồng quản trị đại diện vốn nhà nước.
 - Quyết định thành lập Phòng Quản trị Nguồn nhân lực và Ban Nghiên cứu và Phát triển trực thuộc công ty.
 - Ủy quyền Tổng giám đốc tiến hành các thủ tục thành lập phòng, Ban và bổ nhiệm cán bộ 2 Phòng, Ban mới thành lập nêu trên.
 - Quyết định thành lập Ban kiểm soát nội bộ công ty.



2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính:

Năm 2007, công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước đã hoạt động trên 30 năm, khi chuyển đổi sang công ty cổ phần có nhiều việc giải quyết như các thủ tục pháp lý của công ty, tổ chức bộ máy, cán bộ điều hành, bố trí phân công lao động ... Mặc dù năm đầu quản lý chỉ đạo công ty có rất nhiều khó khăn nhưng kết quả SXKD của công ty sau 5 năm đã tăng trưởng, về cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông qua các năm: Doanh thu năm 2007 là 584 tỷ thì đến năm 2011 là 619,6 tỷ tương đương 1,06 lần; lợi nhuận sau thuế năm 2007 đạt 18 tỷ đến năm 2011 là 24 tỷ tăng tương đương 1,325 lần ; số lượng CBCNV tinh gọn (năm 2007 là 390 CBCNV thì đến năm 2011 có 360 CBCNV, tương đương 92,3%). Cụ thể chi tiết qua bảng sau:



STT	Các chỉ tiêu	Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010			Năm 2011		
		kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Vốn điều lệ	51,000	51,000	100.0	51,000	51,000	100.0	51,000	83,518	163.8	83,518	83,518	100	83,518	83,518	100.0
2	Tổng doanh thu	658,000	584,042	88.8	636,000	631,327	99.3	500,000	468,445	93.7	489,000	647,667	132.4	630,000	619,670	98.4
1	Tổng chi phí	630,200	558,852	88.7	613,750	608,317	99.1	480,000	436,799	91.0	453,000	606,192	133.8	597,000	587,853	98.5
2	Lợi nhuận trước thuế	27,800	25,190	90.6	22,250	23,010	103.4	20,000	31,646	158.2	36,000	41,475	115.2	33,000	31,816	96.4
3	Lợi nhuận sau thuế	20,016	18,137	90.6	16,020	16,567	103.4	15,000	26,300	175.3	27,000	34,246	126.8	24,750	24,025	97.1

3. Thực hiện giám sát TGD và bộ máy quản lý, điều hành:

HDQT đã giám sát chặt chẽ và chất vấn TGD thông qua các kỳ họp HDQT và làm việc với ban quản lý Công ty về việc thực hiện các Nghị quyết HDQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.. Kết quả như sau:

- TGD và các cán bộ quản lý điều hành đã làm việc khẩn trương, tích cực, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ công ty và các văn bản, nội quy, quy chế công ty.
- Mặc dù kết quả SXKH năm 2007, 2011 chưa hoàn thành kế hoạch, nhưng năm 2007 vượt xa so với phương án cổ phần hóa đã được duyệt và lợi nhuận năm 2011 cao hơn lợi nhuận năm 2010 (nếu loại trừ phần thanh lý tài sản) trong điều kiện thực tế rất khó khăn. Các năm còn lại đều vượt kế hoạch. Tổng thể sau 5 năm công ty đã tăng trưởng mặc dù lao động giảm.

4. Thù lao HDQT và BKS: Thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

5. Giao dịch của thành viên HDQT và người có liên quan: Công ty không cấp bất kỳ khoản vay, bảo lãnh tín dụng nào cho các thành viên HDQT hay người có liên quan của họ.

6. Trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HDQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

7. Những tồn tại, hạn chế:

Giai đoạn 2007-2011 là nhiệm kỳ đầu tiên từ khi công ty cổ phần hóa và thực hiện niêm yết trên sàn chứng khoán, do đó Hội đồng quản trị còn nhiều bỡ ngỡ, gặp lúng túng và không ít khó khăn trong công tác quản trị. Đồng thời, có sự thay đổi về cơ cấu thành viên cũng như thay đổi Tổng Giám Đốc do đó trong quá trình điều hành có lúc cũng chưa suôn sẻ.

Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo tái cơ cấu toàn công ty, quyết liệt chấm dứt hoạt động của các đơn vị không hiệu quả, sáp nhập các đơn vị có cùng ngành nghề để dễ quản lý... Ngoài ra, quyết định thành lập các đơn vị mới để đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD như: Sotrans ICD, Sotrans Focus. Tuy nhiên, với tình hình kinh

tế biến động mạnh trong giai đoạn này, Sotrans ICD là đơn vị mới thành lập năm 2010, năm đầu tiên bị lỗ hơn 1 tỷ đồng (kế hoạch là lãi 8 tỷ đồng) nhưng năm tiếp theo đã có lợi nhuận 8,2 tỷ đồng mặc dù còn thấp so với phương án đã xây dựng. Các hoạt động kinh doanh Kho bãi phát triển tốt theo đúng định hướng của công ty và dự báo khả năng khai thác mạnh vào các năm tiếp theo.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng các kế hoạch đề nghị đầu tư phát triển kho bãi cho đến nay vẫn chưa thực hiện được (do chưa được thông qua) nên việc kinh doanh kho – là lĩnh vực chính mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty vẫn luôn bị động, chủ yếu là đi thuê và cho thuê lại khi khách hàng có nhu cầu nên hiệu quả cũng ảnh hưởng đáng kể.

Tình hình biến động nhân sự còn nhiều phức tạp và tỷ lệ khá cao, Hội đồng quản trị đã nhanh chóng quyết định thành lập phòng QTNNL để triển khai các công tác quản trị nhân sự trong toàn công ty chuyên nghiệp và kịp thời hơn.

HDQT chưa thực hiện xong việc tổ chức Ban kiểm soát nội bộ và chưa thanh lý được khu đất Đà Lạt như Nghị quyết.

Kết luận:

Nhìn chung, mặc dù đối mặt với nhiều biến động cả khách quan và chủ quan, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I đã giám sát và điều hành nghiêm túc, chỉ đạo tái cơ cấu công ty kịp thời và triển khai nghiêm yết trên sàn chứng khoán thành công. Các thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và toàn tâm toàn sức vì lợi ích của cổ đông, công ty và cán bộ công nhân viên Sotrans.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2011 và nhiệm kỳ I. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành. Ý kiến của Quý vị là sự hợp tác không thể thiếu để giúp cho HDQT hoạt động tốt hơn trong những năm tới.

Nơi nhận:

- Cổ đông
- Lưu VT-TK





**Phần III:
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

BÁO CÁO THỰC HIỆN K.H SXKD 2011 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam
- Tên tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SOTRANS
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 - Fax: (84.8) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
- Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất. Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt;
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011:

Nhận xét: Năm 2011 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới và Việt nam nói chung, cũng như ngành logistics và Công ty Sotrans nói riêng.

▪ Môi trường Vĩ mô:

- Thị trường Mỹ tiếp tục suy thoái, châu Âu đối mặt trực tiếp với khủng hoảng kinh tế với hàng loạt quốc gia có nguy cơ vỡ nợ (Ireland, Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Ý, Tây Ban Nha, Pháp), thậm chí thời gian cuối năm có ý kiến cảnh báo sự sụp đổ của khu vực đồng Euro; sự bất ổn chính trị kéo dài ở Trung Cận Đông và Châu Phi, động đất sóng thần tại Nhật, lũ lụt và bất ổn chính trị tại Thái Lan; phân hóa giai cấp và bong bóng bất động sản cũng như khả năng suy giảm xuất khẩu tại Trung Quốc,

mâu thuẫn tại khu vực Biển Đông ... Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, đặc biệt là đối với mảng kinh doanh cước vận tải quốc tế, do các khu vực Mỹ, EU, Trung quốc, Nhật và một số nước khu vực châu Á đều là thị trường chính của hoạt động xuất nhập khẩu.

- Tại Việt Nam, năm 2011 cũng chứng kiến mức tăng của lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng, lãi suất ngân hàng, giá điện và nhiên liệu, sự biến động của giá vàng, đóng băng của thị trường bất động sản và suy giảm của thị trường chứng khoán, hơn 70.000 doanh nghiệp phá sản trong năm, số vụ vỡ nợ tín dụng tăng, mức tăng của chỉ số sản xuất công nghiệp giảm hơn 1/3 và chỉ còn 6,8%. Tuy kim ngạch XNK tăng ở một số ngành (điện thoại, dệt may, da giày) nhưng chỉ tập trung vào khu vực vốn nước ngoài (vốn là hàng chỉ định) và nguyên liệu thô (dầu thô, khoáng sản).
- Ngành logistics đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro: cạnh tranh tăng đến mức sống còn, giá cước và sản lượng giảm mạnh; nguy cơ nợ khó đòi tăng vọt...

▪ **Môi trường vi mô:**

Với riêng Công ty Sotrans, năm 2011 là năm có nhiều thay đổi trong cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ quản lý.

- Hội đồng quản trị: thay thế 02 thành viên, trong đó bầu mới Chủ tịch và Phó chủ tịch
- Ban Tổng Giám đốc: thay thế 02 thành viên; trong đó bầu mới Tổng giám đốc.
- Tại thời điểm thay đổi ban điều hành, có khá nhiều thay đổi về cơ cấu quản lý cấp trung tại các đơn vị.
- Thay đổi cán bộ điều hành tại các đơn vị Cảng Kho vận ICD, XN Kho bãi Cảng, XN Kho vận giao nhận, XN Quốc tế, Chi nhánh Hà nội, XN Xăng dầu.
- Giải thể phòng Tổng hợp, thành lập Phòng Quản trị nguồn nhân lực và Ban nghiên cứu phát triển.

Những thay đổi trên ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chỉ số tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Sản xuất kinh doanh 2011		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	630,000	619.670	98,4
2	Lợi nhuận trước thuế	33,000	31.816	96,4
3	Lợi nhuận sau thuế	24,750	24.025	97,1
4	Lãi cơ bản/cổ phiếu (đ)	2,980	2.877	96,5
5	Tổng quỹ lương	47,487	45.784	96,4

Kết quả báo cáo tài chính cuối năm đã được kiểm toán:

- Doanh thu giảm **27.977** tỷ so với năm 2010 tương đương **95,68%** so với năm 2010 và **98,4%** so với kế hoạch năm 2011. Trong đó doanh thu của mảng Kho vận giao nhận giảm 50,4 tỷ (10%), chủ yếu do giá cước vận tải quốc tế trong năm 2011 giảm. Doanh thu của mảng xăng dầu tăng 22,5 tỷ (15,7%), chủ yếu do giá xăng dầu tăng trong năm.
- Lợi nhuận trước thuế tăng **1.647.062.215** đồng so với năm 2010 sau khi đã trừ 11.306.000.000 đồng do chuyển nhượng đất Hồ Nai và máy móc thiết bị sản xuất dầu nhờn Solube, tương đương **105,46%** so với năm 2010 và đạt **96,41%** so với kế hoạch năm 2011. Trong đó mảng Kho vận giao nhận đạt gần 29,8 tỷ (tăng 3,8 tỷ nếu loại trừ lợi nhuận do thanh lý tài sản). Lợi nhuận trước thuế mảng xăng dầu giảm 2,05 tỷ (gần 50%). Lợi nhuận gộp từ bán hàng tăng 6,4 tỷ, tương đương 5,9% so với 2010, trong đó mảng Kho vận giao nhận đạt 109,2 tỷ tăng 8,8 tỷ (8,9%) so với 2010. Mảng xăng dầu giảm 2,3 tỷ (27,1%), do trong năm mức chiết khấu cho Đại lý xăng dầu giảm.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 5,13 tỷ, tương đương 19,2% so với cùng kỳ 2010.
- Chi phí bán hàng tăng 4,2 tỷ, tương đương 5,9%, do trong năm 2011 Cảng Kho vận ICD đi vào hoạt động ổn định và gia tăng doanh thu, lợi nhuận (8,3 tỷ so với -1,3 tỷ năm 2010). Các chi phí khác như nhân công, dịch vụ mua ngoài, khấu hao tài sản cố định ... thay đổi không đáng kể.
- Tiền và các khoản tương đương tăng 10,7 tỷ, tương đương 23,2%. Tổng tài sản giảm 6,5 tỷ, tương đương 3,8% do giá trị hao mòn tài sản cố định (6,7 tỷ).
- Hàng tồn kho tăng 1,5 tỷ (60%) do trong năm Công ty triển khai dự án phân phối dầu nhớt Valvoline và tồn kho chủ yếu do dự trữ đủ chủng loại hàng hóa mặt hàng này.
- Phải thu ngắn hạn giảm 5,4 tỷ, tương đương 8,8%.
- Nợ ngắn hạn giảm 14 tỷ, tương đương 28%.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán tăng gần 1,0 tỷ.
- Vốn chủ sở hữu tăng 7,4 tỷ tương đương 6,3% (chủ yếu do Quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận sau thuế còn lại).
- Các yếu tố rủi ro: Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do luôn đảm bảo được nguồn ngoại tệ. Không có rủi ro lãi suất do trong năm Công ty có vốn nhàn rỗi và không phải vay vốn. Mức độ rủi ro tín dụng hầu như không đáng kể do các khoản phải thu đến từ số lượng rất lớn (hàng ngàn) khách hàng ở nhiều phân khúc thị trường khác nhau, và Công ty có chính sách quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ. Công ty cũng hầu như không có rủi ro thanh khoản do luôn duy trì cân đối giữa tài sản đến hạn và công nợ đến hạn (trong năm khoản phải trả giảm 28%).

Như vậy mặc dù các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận chỉ xấp xỉ đạt kế hoạch, song các yếu tố như hoạt động kinh doanh thuần, quản lý rủi ro đều tăng hiệu quả so với năm 2010.

Một số công tác khác trong năm 2011:

▪ **Tổ chức & nhân sự:**

- Tình hình nhân sự có nhiều biến động gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động SXKD:
 - + Tổng số lao động đầu năm : 389 người
 - + Tổng số lao động cuối năm : 354 người
 - + Tuyển mới 65 người
 - + Hệ số thay đổi 25,7 %
- Công ty đã chủ động tái cơ cấu tổ chức, hoàn thiện chính sách lương, tăng phụ cấp cán bộ quản lý.
- Giải thể phòng Tổng hợp, thành lập Phòng Quản trị nguồn nhân lực, Ban Nghiên cứu phát triển.
- Triển khai công tác đào tạo nội bộ, kết hợp với đào tạo bên ngoài, tập trung chủ yếu vào nguồn cán bộ quản lý và đội ngũ sales-marketing.
- Duy trì tốt các hoạt động thể thao, văn nghệ, xã hội; xây dựng môi trường làm việc thân thiện. Các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên hoạt động tích cực và tinh thần teamwork được nâng cao.

▪ **Sales & Marketing:**

- Đội ngũ sales còn mỏng và dòng chảy nhân sự sales cực kỳ cao cũng là một trong những thách thức đối với ngành dịch vụ chính của công ty.
- Triển khai chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu, tổ chức các Marketing Event tuy vậy chưa có nhiều các hoạt động thúc đẩy doanh số
- Tổ chức các hội thảo sales-marketing.

▪ **Tài chính:**

- Quản lý khá tốt vấn đề công nợ, phải thu giảm 12,8%; tích cực thu hồi các khoản dây dưa khó đòi
- Hiệu quả sử dụng vốn tăng tại một số các đơn vị tuy nhiên chưa có thay đổi tích cực trong việc quản lý chi phí hành chính.
- Công tác quản lý rủi ro được chú trọng và gia tăng hiệu quả.



▪ **Quy trình nghiệp vụ:**

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình cung cấp dịch vụ tại các đơn vị.
- Chất lượng dịch vụ nhìn chung tốt tuy vậy chưa có sự thay đổi tích cực trong quản lý chi phí.

▪ **Hệ số khai thác Kho bãi:**

- Kho Công ty sở hữu: công suất khai thác tiếp tục cao (100%).
- Kho hợp tác: có xu hướng giảm (từ 80% năm 2010 giảm còn 72% năm 2011).
- Kho thuê ngoài: giữ mức 86%.

III. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012:

Kế hoạch năm 2012:

Chiến lược hoạt động của năm 2012 là: *Giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung hoàn thiện quy trình và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng cắt giảm chi phí và quản lý chặt chẽ dòng tiền & công nợ, quyết tâm triển khai đầu tư dự án phát triển hệ thống Kho bãi.*

Các dự án đầu tư phát triển hệ thống Kho được trình bày trong báo cáo riêng biệt. Kế hoạch kinh doanh dưới đây chưa tính đến các dự án này.

Kế hoạch tổng thể các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Sản xuất kinh doanh		
		Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	619.670	650.000	104,89
2	Lợi nhuận trước thuế	31.816	32,500	102,15
3	Lợi nhuận sau thuế	24.025	24,375	101,46
4	Lãi cơ bản/ cổ ph (đ)	2.877	2,935	102
5	Đơn giá tiền lương =%(tổng thu - tổng chi trước lương)	59%	59%	100
6	Tổng quỹ lương	45.784	46.768	102,14

Kế hoạch tổng thể theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu L.vực SXKD	L.động BQ/năm	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lương Bq người/tháng
	Người	Tri. Đồng	Tr.đồng	Tr.đồng
1. Kho vận giao nhận	250	415.000	21.500	7,9
2. ICD	90	75.000	8.300	7,0
3. Xăng dầu	27	160.000	2.700	7,0
4.Văn phòng công ty	20			
5. Toàn công ty	387	650.000	32.500	7,6

Các biện pháp trọng tâm:

a) Cơ cấu tổ chức:

1. Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát triển và bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý theo các tiêu chí: trẻ, tâm huyết, có trình độ.
2. Thực hiện tái cơ cấu tổ chức tại XN Vật tư Xăng dầu.

b) Kế toán Tài chính:

1. Tập trung quản lý chặt chẽ dòng tiền và công nợ tại tất cả các đơn vị.
2. Tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động, phấn đấu giảm 7% chi phí quản lý trong toàn Công ty (khoảng 1 tỷ).

c) Sales & Marketing:

1. Xây dựng và hoàn thiện quy chế sales phù hợp với thị trường và từng đơn vị.
2. Tập trung lấy lại các khách hàng/đại lý lớn bị mất trong năm 2011.
3. Đẩy mạnh teamwork giữa các đơn vị, giữa các phòng ban trong đơn vị.
4. Triển khai các chương trình marketing gắn liền với mục tiêu giữ vững KH và gia tăng doanh thu.

d) Nghiệp vụ & Dịch vụ khách hàng:

1. Hoàn thiện quy trình cung cấp dịch vụ theo chuẩn ISO, tập trung công tác quản lý quan hệ khách hàng.
2. Giảm 5% chi phí làm hàng giao nhận (khoảng 1,2 tỷ).

e) Tổ chức Nhân sự:

3. Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa các yêu cầu chi tiết theo chức danh công việc.



4. Hoàn thiện chương trình đào tạo nội bộ, quy trình đánh giá hiệu quả công việc KPI.
5. Triển khai việc luân chuyển cán bộ.
6. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến chính sách tiền lương .
7. Ổn định đội ngũ cán bộ CNV, giảm tỷ lệ thay đổi công việc xuống dưới 20%.

f) Nghiên cứu phát triển:

1. Nghiên cứu tìm kiếm các khả năng mua bán sáp nhập, các dự án mới trong lĩnh vực kinh doanh chính.
2. Nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ khoa học để tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

Một số lưu ý khác:

- Chính sách về tiền lương tối thiểu chung của Nhà nước làm tăng các khoản phải nộp (Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp).
- Lợi nhuận trên không tính đến chuyển nhượng tài sản (nếu có).

IV. KẾT LUẬN:

Mục tiêu kinh doanh năm 2012 của Công ty Sotrans:

- Doanh thu: **650 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế: **32,5 tỷ đồng.**
- Đơn giá tiền lương: **59%** lợi nhuận gộp (Tổng doanh thu – chi phí trước lương).

Nơi nhận:

- Cổ đông.
- Lưu VT-TH.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG VŨ THÀNH

**Ai có kinh nghiệm hơn 37 năm
trong các dịch vụ kho bãi ?**



SOTRANS | F&W

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3826 9727 - Fax: (84.8) 3940 2566
Email: sales-fw@sotrans.com.vn

SOTRANS | P&W

Địa chỉ: Km 09 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3896 0967 - Fax: (84.8) 3896 0360
Email: info-pw@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS
We make it simple!

**Phần IV:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vạn Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Quyển	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Diệu	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Huy Hiền	Thành viên (từ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2011)
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Quyển	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Huy Hiền	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc,



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Số: 905 /2012/Deloitte-HCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2011 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc


Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Huỳnh Vũ Đại Trọng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.923.083.960	123.047.784.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.839.351.320	46.144.280.101
1. Tiền	111		4.835.728.189	18.731.680.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.003.623.131	27.412.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.409.966.840	3.423.188.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.979.120.100	6.943.070.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.569.153.260)	(3.519.881.800)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.694.266.046	61.141.269.920
1. Phải thu khách hàng	131		48.302.465.144	49.722.340.753
2. Trả trước cho người bán	132		1.252.471.681	2.452.057.966
3. Các khoản phải thu khác	135		7.415.773.968	9.238.032.002
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.276.444.747)	(271.160.801)
IV. Hàng tồn kho	140		4.057.443.164	2.532.496.918
1. Hàng tồn kho	141	7	4.057.443.164	2.532.496.918
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.922.056.590	9.806.549.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		595.461.503	874.252.996
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		68.233.332	617.207.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		653.589.111	807.820.698
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.604.772.644	7.507.267.581
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.643.473.902	46.092.661.615
I. Tài sản cố định	220		35.761.175.903	42.227.435.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	34.182.685.705	40.513.722.163
- Nguyên giá	222		98.408.597.620	98.498.548.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.225.911.915)	(57.984.826.450)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.578.490.198	1.713.713.755
- Nguyên giá	228		2.534.943.731	2.445.207.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(956.453.533)	(731.493.476)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.680.000.000	1.680.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.680.000.000	1.680.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.202.297.999	2.185.225.697
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	813.369.399	1.425.272.285
2. Tài sản dài hạn khác	268		388.928.600	759.953.412
TỔNG TÀI SẢN	270		162.566.557.862	169.140.446.086

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.685.793.030	50.708.320.543
I. Nợ ngắn hạn	310		35.963.815.481	50.005.668.399
1. Phải trả người bán	312		23.960.739.800	29.834.815.626
2. Người mua trả tiền trước	313		280.479.408	446.540.905
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.812.708.795	2.383.570.953
4. Phải trả người lao động	315		4.840.831.002	8.453.697.239
5. Chi phí phải trả	316		532.574.435	476.060.425
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.304.976.704	7.837.243.307
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.231.505.337	573.739.944
II. Nợ dài hạn	330		721.977.549	702.652.144
1. Phải trả dài hạn khác	333		425.096.000	470.151.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		296.881.549	232.501.144
B. NGUỒN VỐN	400		125.880.764.832	118.432.125.543
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	125.880.764.832	118.432.125.543
1. Vốn điều lệ	411		83.518.570.000	83.518.570.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.453.538.386	2.906.976.300
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		37.257.128	(477.756.234)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.434.286.157	10.915.825.004
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.763.537.087	2.965.054.250
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.673.576.074	18.603.456.223
TỔNG NGUỒN VỐN	440		162.566.557.862	169.140.446.086

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
		31/12/2011	31/12/2010
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)	002	481.866.865.792	374.340.638.415
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	004	219.366.460	65.460.900
3. Ngoại tệ (USD)	007	597.679,32	909.761
4. Ngoại tệ (EUR)	007	<u>7.720,76</u>	<u>433</u>

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.




Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

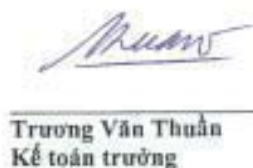
MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	619.669.801.000	647.667.147.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		619.669.801.000	647.667.147.428
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	(504.134.238.211)	(538.695.003.664)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.535.562.789	108.972.143.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.865.369.757	2.201.154.471
7. Chi phí tài chính	22	19	(1.864.903.355)	(487.441.767)
8. Chi phí bán hàng	24		(75.172.267.915)	(70.997.795.323)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.573.611.321)	(13.054.724.765)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.790.149.955	26.633.336.380
11. Thu nhập khác	31		613.702.804	16.620.940.783
12. Chi phí khác	32		(587.548.914)	(1.779.035.533)
13. Lợi nhuận khác	40	20	26.153.890	14.841.905.250
14. Lợi nhuận trước thuế	50		31.816.303.845	41.475.241.630
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(7.790.870.771)	(7.229.046.948)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		24.025.433.074	34.246.194.682
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.877	4.100



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 3 năm 2012



Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng



Lê Minh Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.816.303.845	41.475.241.630
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.610.334.943	5.405.177.991
Các khoản dự phòng	03	2.054.555.406	357.875.656
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.833.724.720)	(16.104.753.898)
Chi phí lãi vay	06	7.901.215	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.655.370.689	31.133.541.379
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	9.189.668.579	(10.095.283.988)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.524.946.246)	18.732.497.131
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(9.506.157.119)	115.418.799
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	890.694.379	(19.483.744)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.901.215)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.485.774.127)	(9.160.877.832)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.396.589.338	2.737.170.162
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.919.129.336)	(7.015.129.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.688.414.942	26.427.852.050
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(369.012.867)	(29.244.540.894)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	192.550.000	6.308.463.636
3. Tiền thu hồi từ bán lại các cổ phiếu	24	-	54.138.990
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.050.000)	-
5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.541.919.092	1.318.650.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.329.406.225	(21.563.287.288)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	4.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.000.000.000)	-
3. Cổ tức đã trả	36	(16.828.392.798)	(8.283.457.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.828.392.798)	(8.283.457.800)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	10.189.428.369	(3.418.893.038)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.144.280.101	50.027.601.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	505.642.850	(464.428.757)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	56.839.351.320	46.144.280.101

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong năm lần lượt không bao gồm số tiền 125.381.193 đồng (năm 2010: 0 đồng) và 324.193.567 đồng (năm 2010: 0 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa được thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả và tăng giảm các khoản phải thu.



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 44 đến trang 59 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**Ai đã 37 năm kinh nghiệm
trong lĩnh vực khai quan và giao nhận
hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam ?**



SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3940 0447 - Fax: (84.8) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn

SOTRANS | F&W


Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3826 9727 - Fax: (84.8) 3940 2566
Email: sales-fw@sotrans.com.vn

SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: Tầng 4, 142 phố Đội Cấn,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 3732 1118 - Fax: (84.4) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS
We make it simple!



Phần V:
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 tháng 2 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 350 người (năm 2010: 389 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyên tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Nếu Công ty áp dụng hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10 thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 515.013.362 đồng và khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	706.161.400	881.989.500
Tiền gửi ngân hàng	4.129.566.789	17.849.690.601
Các khoản tương đương tiền	<u>52.003.623.131</u>	<u>27.412.600.000</u>
	<u>56.839.351.320</u>	<u>46.144.280.101</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với thời gian đáo hạn từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất 14% cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và 0,5% cho tiền gửi bằng Đô la Mỹ (Năm 2010: từ 13,5% đến 14% cho tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và 1% cho tiền gửi bằng Đô la Mỹ).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4.516.720.100	4.480.670.100
Chứng khoán chưa niêm yết	<u>2.462.400.000</u>	<u>2.462.400.000</u>
	6.979.120.100	6.943.070.100
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(4.569.153.260)</u>	<u>(3.519.881.800)</u>
	<u>2.409.966.840</u>	<u>3.423.188.300</u>

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán, trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	1.269.818.176
Nguyên liệu, vật liệu	-	2.721.228
Công cụ, dụng cụ	16.291.000	-
Thành phẩm	-	10.774.906
Hàng hoá	<u>4.041.152.164</u>	<u>1.249.182.608</u>
	<u>4.057.443.164</u>	<u>2.532.496.918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	50.797.337.102	5.373.596.044	40.080.046.530	2.247.568.937	98.498.548.613
Tăng	-	64.045.455	-	215.230.912	279.276.367
Thanh lý	-	-	(269.701.905)	(99.525.455)	(369.227.360)
Tại ngày 31/12/2011	<u>50.797.337.102</u>	<u>5.437.641.499</u>	<u>39.810.344.625</u>	<u>2.363.274.394</u>	<u>98.408.597.620</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	38.924.467.814	3.141.376.406	14.599.777.448	1.319.204.782	57.984.826.450
Khấu hao trong năm	2.665.930.051	335.725.839	3.133.256.592	250.462.404	6.385.374.886
Thanh lý	-	-	(70.234.875)	(74.054.546)	(144.289.421)
Tại ngày 31/12/2011	<u>41.590.397.865</u>	<u>3.477.102.245</u>	<u>17.662.799.165</u>	<u>1.495.612.640</u>	<u>64.225.911.915</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.206.939.237</u>	<u>1.960.539.254</u>	<u>22.147.545.460</u>	<u>867.661.754</u>	<u>34.182.685.705</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>11.872.869.288</u>	<u>2.232.219.638</u>	<u>25.480.269.082</u>	<u>928.364.155</u>	<u>40.513.722.163</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 29.206.800.048 đồng (Năm 2010: 24.208.195.922 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Trang web VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	1.287.550.000	979.776.250	177.880.981	2.445.207.231
Tăng	-	89.736.500	-	89.736.500
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.287.550.000</u>	<u>1.069.512.750</u>	<u>177.880.981</u>	<u>2.534.943.731</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	120.171.352	449.387.955	161.934.169	731.493.476
Khấu hao trong năm	25.751.004	191.481.168	7.727.885	224.960.057
Tại ngày 31/12/2011	<u>145.922.356</u>	<u>640.869.123</u>	<u>169.662.054</u>	<u>956.453.533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.141.627.644</u>	<u>428.643.627</u>	<u>8.218.927</u>	<u>1.578.490.198</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.167.378.648</u>	<u>530.388.295</u>	<u>15.946.812</u>	<u>1.713.713.755</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (“Công ty liên kết”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty liên kết là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2009: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2009: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty liên kết không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	1.425.272.285	983.223.030
Tăng trong năm	333.759.730	1.320.850.859
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(945.662.616)</u>	<u>(878.801.604)</u>
Số dư cuối năm	<u>813.369.399</u>	<u>1.425.272.285</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	810.667.734	665.771.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.754.870.771	1.449.774.127
Thuế thu nhập cá nhân	245.767.203	261.566.649
Các loại thuế khác	<u>1.403.087</u>	<u>6.458.800</u>
	<u>2.812.708.795</u>	<u>2.383.570.953</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch từ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	83.518.570.000	2.906.976.300	103.073.419	7.800.872.045	2.965.054.250	-	97.294.546.014
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34.246.194.682	34.246.194.682
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.527.785.500)	(12.527.785.500)
Chênh lệch từ giá hối đoái	-	-	(580.829.653)	-	-	-	(580.829.653)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.114.952.959	-	(3.114.952.959)	-
Tại ngày 31/12/2010	83.518.570.000	2.906.976.300	(477.756.234)	10.915.825.004	2.965.054.250	18.603.456.223	118.432.125.543
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.025.433.074	24.025.433.074
Chênh lệch từ giá hối đoái	-	-	515.013.362	-	-	-	515.013.362
Phân phối quỹ	-	1.546.562.086	-	7.518.461.153	1.589.789.912	(10.654.813.151)	(10.857.414.100)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.857.414.100)	(10.857.414.100)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(522.160.715)	-	(522.160.715)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.824.461.137)	(4.824.461.137)
Giảm khác	-	-	-	-	(269.146.360)	(618.624.835)	(887.771.195)
Tại ngày 31/12/2011	83.518.570.000	4.453.538.386	37.257.128	18.434.286.157	3.763.537.087	15.673.576.074	125.880.764.832

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2011, các cổ đông Công ty đã quyết định trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15.033.342.600 đồng (năm 2010 đã tạm trích và trả 12.527.785.500 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối. Cùng tại cuộc họp này, Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 618.624.835 đồng. Ngoài ra, theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 8 năm 2011, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.351.857.000 đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thông qua việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính để thanh toán cho việc truy thu do quyết toán thuế từ năm 2007 đến năm 2009 với số tiền 522.160.715 đồng. Các khoản giảm khác từ quỹ dự phòng tài chính bao gồm xử lý nợ phải thu khó đòi được xử lý theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích lập theo điều lệ của Công ty. Số liệu cuối cùng của việc chia cổ tức và trích lập các quỹ sẽ được quyết định bởi các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

31/12/2011

Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
			VNĐ	VNĐ
SCIC	3.985.942	3.985.942	39.859.420.000	39.859.420.000
Các cổ đông khác	<u>4.365.915</u>	<u>4.365.915</u>	<u>43.659.150.000</u>	<u>43.659.150.000</u>

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải VNĐ	Kinh doanh xăng dầu, nhớt VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày			
31 tháng 12 năm 2011			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	454.004.819.921	165.664.981.079	619.669.801.000
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	344.787.808.140	159.346.430.071	504.134.238.211
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	109.217.011.781	6.318.551.008	115.535.562.789
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	7.316.457.929	162.614.632	7.479.072.561
Các chi phí trực tiếp	80.342.192.024	4.245.804.538	84.587.996.562
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	6.435.424.379	174.910.564	6.610.334.943
Lợi nhuận trước thuế	29.755.853.307	2.060.450.538	31.816.303.845
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.275.758.137	515.112.634	7.790.870.771
Lợi nhuận trong năm	<u>22.480.095.170</u>	<u>1.545.337.904</u>	<u>24.025.433.074</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Tài sản bộ phận	87.310.508.748	10.456.377.094	97.766.885.842
Tài sản không phân bổ	-	-	64.799.672.020
Tổng tài sản	87.310.508.748	10.456.377.094	162.566.557.862
Nợ phải trả bộ phận	28.458.011.860	671.874.781	29.129.886.641
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	7.555.906.389
Tổng nợ phải trả	28.458.011.860	671.874.781	36.685.793.030

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2010**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	504.452.379.409	143.214.768.019	647.667.147.428
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	404.017.275.016	134.677.728.648	538.695.003.664
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	100.435.104.393	8.537.039.371	108.972.143.764
Doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác	18.617.839.609	204.255.645	18.822.095.254
Các chi phí trực tiếp	75.431.465.330	4.277.197.115	79.708.662.445
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	6.255.846.629	354.488.314	6.610.334.943
Lợi nhuận trước thuế	37.365.632.043	4.109.609.587	41.475.241.630
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.201.644.551	1.027.402.397	7.229.046.948
Lợi nhuận trong năm	<u>31.163.987.492</u>	<u>3.082.207.190</u>	<u>34.246.194.682</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài sản bộ phận	102.449.859.671	11.376.271.847	113.826.131.518
Tài sản không phân bổ	-	-	55.314.314.568
Tổng tài sản	102.449.859.671	11.376.271.847	169.140.446.086
Nợ phải trả bộ phận	34.671.262.278	665.928.142	35.337.190.420
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	15.371.130.123
Tổng nợ phải trả	<u>34.671.262.278</u>	<u>665.928.142</u>	<u>50.708.320.543</u>

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	165.392.253.803	146.019.326.802
Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.277.547.197	501.647.820.626
	<u>619.669.801.000</u>	<u>647.667.147.428</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011	2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.847.632.734	139.114.734.194
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	341.286.605.477	399.580.269.470
	<u>504.134.238.211</u>	<u>538.695.003.664</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.062.583.912	23.226.424.534
Chi phí nhân công	51.511.096.513	51.636.397.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.610.334.943	5.405.177.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.822.005.793	16.171.528.214
Chi phí khác	10.075.674.190	8.870.074.594
	<u>87.081.695.351</u>	<u>105.309.602.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	3.959.646.609	1.219.408.980
Cổ tức, lợi nhuận được chia	906.466.050	99.242.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.980.755.735	835.024.991
Lãi do bán ngoại tệ	18.501.363	36.978.500
Lãi bán cổ phiếu	-	10.500.000
	<u>6.865.369.757</u>	<u>2.201.154.471</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	7.901.215	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	7.641.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	678.674.533	280.675.728
Lỗ do bán ngoại tệ	129.056.147	27.681.916
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.049.271.460	170.571.520
Khác	-	871.143
	<u>1.864.903.355</u>	<u>487.441.767</u>

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	192.550.000	15.999.413.636
Khác	421.152.804	621.527.147
Thu nhập khác	<u>613.702.804</u>	<u>16.620.940.783</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(224.937.939)	(1.437.328.082)
Khác	<u>(362.610.975)</u>	<u>(341.707.451)</u>
Chi phí khác	<u>(587.548.914)</u>	<u>(1.779.035.533)</u>
Lợi nhuận khác	<u>26.153.890</u>	<u>14.841.905.250</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	31.816.303.845	41.475.241.630
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(906.466.050)	(99.242.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	253.645.289	-
Thu nhập chịu thuế	<u>31.163.483.084</u>	<u>41.375.999.630</u>
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi 12,5%	-	24.919.623.676
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất thông thường 25%	31.163.483.084	16.456.375.954
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.790.870.771</u>	<u>7.229.046.948</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi bắt đầu chuyển đổi sang cổ phần hóa (năm 2007) và được miễn 50% trong hai năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.025.433.074	34.246.194.682
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>8.351.857</u>	<u>8.351.857</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.877</u>	<u>4.100</u>

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>8.856.205.020</u>	<u>7.537.796.851</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	8.856.205.020	7.537.796.851
Từ năm thứ hai đến năm thứ tư	8.674.631.200	3.490.596.000
Sau năm năm	<u>4.203.945.000</u>	<u>5.949.243.000</u>
	<u>21.734.781.220</u>	<u>16.977.635.851</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.839.351.320	46.144.280.101
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.441.794.365	58.689.211.954
Đầu tư ngắn hạn	2.409.966.840	3.423.188.300
Tài sản tài chính khác	816.888.600	1.341.655.922
	114.508.001,125	109.598.336,277
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	26.265.716.504	37.672.058.933
Chi phí phải trả	532.574.435	476.060.425
Công nợ tài chính khác	425.096.000	470.151.000
	27.223.386,939	38.618.270,358

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kê toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó. Công ty có chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỷ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.866.629.234	9.334.798.396	16.117.737.461	29.929.274.612
Euro (EUR)	294.696.308	114.857.780	199.958.457	10.741.037
Yên Nhật (JPY)	4.370.181	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	29.692.932	-	-
Đôla Úc(AUD)	30.310.547	-	-	-
Đôla Singapore(SGD)	19.564.140	-	-	-

Quản lý rủi ro về lãi suất:

Công ty có chịu rủi ro về lãi suất, tuy nhiên trong năm 2011 công ty có vốn nhàn rỗi nên không phải vay do đó không có rủi ro lớn về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	26.265.716.504	-	26.265.716.504
Chi phí phải trả	532.574.435	-	532.574.435
Công nợ khác	-	425.096.000	425.096.000
31/12/2010			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	37.672.058.933	-	37.672.058.933
Chi phí phải trả	476.060.425	-	476.060.425
Công nợ khác	-	470.151.000	470.151.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.839.351.320	-	56.839.351.320
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.441.794.365	-	54.441.794.365
Đầu tư ngắn hạn	2.409.966.840	-	2.409.966.840
Tài sản tài chính khác	427.960.000	388.928.600	816.888.600
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.144.280.101	-	46.144.280.101
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.689.211.954	-	58.689.211.954
Đầu tư ngắn hạn	3.423.188.300	-	3.423.188.300
Tài sản tài chính khác	581.702.510	759.953.412	1.341.655.922

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Doanh thu	78.040.419	4.473.859.255
Mua hàng	<u>3.377.054.227</u>	<u>3.320.224.930</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lương	3.239.829.934	3.368.537.359
Thưởng	128.085.812	148.640.023
Các khoản phúc lợi khác	<u>1.203.043.487</u>	<u>894.192.318</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Các khoản phải thu	-	146.222.700
Các khoản phải trả	<u>1.106.905.447</u>	<u>493.786.720</u>

SOTRANS

We make it simple!



Dịch vụ kho
Warehousing



Kinh doanh xăng dầu
Petroleum trading



Vận tải quốc tế
International freight forwarder



Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)

- ➔ **Dịch vụ Kho:**
 - Kho ngoại quan.
 - Kho chứa hàng hóa.
- ➔ **Kinh doanh Xăng dầu.**
- ➔ **Vận tải Quốc tế:**
 - Vận tải đường biển.
 - Vận tải hàng không.
 - Vận tải đa phương thức.
 - Vận chuyển hàng công trình, dự án.
 - Vận chuyển hàng xá, hàng rời.
 - Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK.
 - Dịch vụ khai thuê hải quan.
- ➔ **Cảng thông quan nội địa (ICD).**

- Warehousing:**
 - . Bonded warehouse
 - . Warehousing
- Petroleum Trading.**
- International Freight Forwarding:**
 - . Sea freight
 - . Air freight
 - . Multimodal transport
 - . Project cargo handling
 - . Break bulk cargo handling
 - . Logistics
 - . Customs procedure
- Inland Clearance Depot (ICD).**



Phần VI:
CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN


6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA CTY CP KHO VẬN MIỀN NAM:

Không có.


6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

Bảng 1: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1.	Công ty cổ phần SDB Việt Nam	4.800.000.000. Trong đó, Sotrans góp 1.680.000.000 đồng (tương đương 35% VDL)	Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.	Tầng 5 toà nhà Viconship Sài Gòn, 6-8 Đoàn Văn Bơ, P.9, Quận 4. Hồ Chí Minh



Phần VII:
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





MAX.G.W. 30.480 KGS
67.200 LBS
TARE 4.000 KGS
8.820 LBS
MAX.C.W. 26.480 KGS
58.380 LBS
CU. CAP. 76.4 CU.M.
2.700 CU.FT.

Hoàn thiện chuỗi cung ứng !



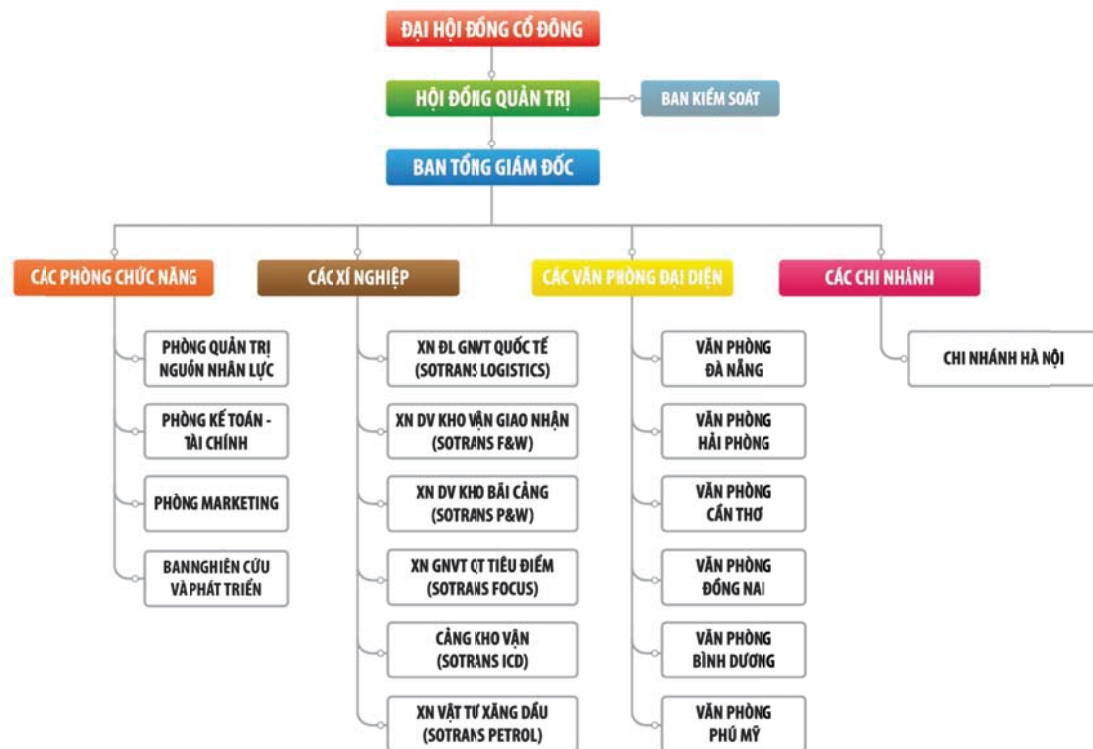
SOTRANS

We make it simple !

7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

- Ban giám đốc: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc.
- 1 chi nhánh tại Hà Nội, các VPĐD tại Hải phòng, Đồng Nai, Đà Nẵng, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu (Phú Mỹ).
- 6 đơn vị thành viên, 4 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 351 người.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



7.2. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có 3 thành viên bao gồm 1 Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng Giám Đốc.

1. Ông Đặng Vũ Thành Tổng Giám đốc.
2. Bà Đoàn Thị Đông Phó Tổng Giám đốc.
3. Ông Trần Mạnh Đức Phó Tổng Giám đốc.

Kế toán Trưởng Công ty: Ông Trương Văn Thuận.

Tóm tắt lý lịch:

- Ông Đặng Vũ Thành – Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969

- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMND: 171431808
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: CD-9 Hung Vương 3, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: (84.8) 3826 6594
- Trình độ văn hóa: 10/10a
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh Tế tại liên bang Nga.
- Quá trình công tác:
 - o Từ 12/2000 đến 06/2003: Cộng tác viên khoa học viện lâm nghiệp *Saint Petersburg (Liên Bang Nga)*.
 - o Từ 05/2004 đến 11/2005: Trưởng phòng Marketing – Xí nghiệp Đại lý *Giao nhận Vận tải Quốc Tế - Cty CP Kho vận Miền Nam*.
 - o Từ tháng 12/2005 đến 06/2008: Phó Giám Đốc XN ĐL *Giao nhận Vận Tải Quốc Tế*.
 - o Từ tháng 7/2008 đến tháng 04/2011: Giám Đốc XN ĐL *Giao nhận Vận tải Quốc Tế*.
 - o Từ tháng 5/2011 đến nay: Tổng Giám Đốc công ty CP Kho Vận Miền Nam (Sotrans).

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám Đốc.

▪ **Bà Đoàn Thị Đông - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1957
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 024673525
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 47-57 Nguyễn Thái Bình, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 116)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ và Đại học Thương Mại chuyên ngành QTKD.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/1981 đến 06/1985: Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
 - + Từ 07/1985 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - o Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
 - o Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa.
 - o Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại.
 - o Phó Giám đốc Công ty.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc.

▪ **Ông Trần Mạnh Đức – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1970
- Nơi sinh: TP. HCM
- Số CMND: 022416192
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú: 115/58 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3940 0947 (Ext. 123)
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành QTKD Đại học Hàng Hải.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1995 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:

- Nhân viên giao nhận, Tổ trưởng kinh doanh.
 - Phó Giám đốc XN Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế, Giám đốc Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Thủ Đức.
- + Từ 01/2007 đến nay: Công tác tại cty CP Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :
- Giám đốc XN Dịch vụ Kho bãi cảng.
 - Phó Tổng Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám Đốc.

7.3. CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:

- **Văn phòng trụ sở chính Công ty:**
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM
- **Các đơn vị trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
2.	Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp dịch vụ Kho bãi Cảng	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
4.	Xí nghiệp GNVT Quốc tế Tiêu điểm	16 Cửu Long, Q. Tân Bình, Tp. HCM.
5.	Cảng Kho vận	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
6.	Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu	Số 18 Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.

- **Các chi nhánh trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 142 Đội Cấn, Q. Đống Đa, Hà Nội.

- **Các văn phòng trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	08 Ngô Gia Tự, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
3.	Văn phòng Hải Phòng	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng

Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu được đổi tên từ Xí nghiệp Hóa Dầu Solube theo thông báo số 162/KVMN ngày 23/ 03/ 2010.

Cảng Kho Vận được thành lập theo quyết định số 05/2010/QĐ ngày 26/ 01/ 2010.

Xí nghiệp Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu Điểm được thành lập theo quyết định số 03/2010/QĐ ngày 26/01/2010.

7.4. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:

▪ Phòng Quản trị nguồn nhân lực:

Phòng Quản trị Nguồn nhân lực là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu giúp cho Ban Lãnh đạo công ty trong quản lý, điều hành về các lĩnh vực :

- Quản trị chiến lược nhân sự.
- Quản trị hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng.
- Công tác thanh tra, bảo vệ.
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Công tác pháp chế.
- Công tác An toàn – Bảo hộ lao động – Vệ sinh môi trường.

▪ Ban nghiên cứu và phát triển:

Ban nghiên cứu và phát triển có chức năng quản trị, tham mưu giúp Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Công ty trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế chính sách quản lý, cách thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển hoạt động công ty và các đơn vị thành viên.

▪ Phòng Kế Toán Tài Chính:

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

▪ Phòng Marketing:

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

7.5. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Ông Đặng Vũ Thành được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc từ tháng 4/2011 thay thế cho ông Hoàng Quyển.

7.6. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

▪ Số lượng lao động và cơ cấu lao động:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 16/03/2012 là 351 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc.

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	6	1.7%
Đại học	164	46.7%
Cao đẳng	26	7.4%
Trung cấp. CNKT lành nghề	44	12.5%
Lao động phổ thông	111	31.6%
Tổng cộng	351	
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	293	83.5%
Lao động gián tiếp	58	16.5%
Tổng cộng	351	

▪ **Chế độ làm việc:**

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.

▪ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong

đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.

- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.





Giá trị dịch vụ đích thực !



TRANS

SOTRANS

We make it simple !



**Phần VIII:
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**



8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

8.1.1. Hội đồng quản trị:

1. Bà Đoàn Thị Đông Chủ tịch HĐQT.
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Phó chủ tịch HĐQT.
3. Ông Tô Hải Ủy viên HĐQT.
4. Ông Nguyễn Thế Vinh Ủy viên HĐQT.

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Hoàng Quyên từ chức chủ tịch Hội Đồng Quản trị theo đơn xin từ chức đã được đại hội đồng Cổ đông thông qua tại đại hội tổ chức ngày 19/04/2011.
- Bà Đoàn Thị Đông được bầu làm Chủ tịch Hội Đồng Quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2012, bắt đầu từ ngày 19/04/2011
- Bà Nguyễn Thị Diệu được bầu bổ sung vào Hội Đồng Quản trị nhiệm kỳ 2007 - 2012.
- Ông Trần Huy Hiền, thành viên Hội đồng quản trị từ chức thành viên hội đồng quản trị trong năm 2011.

8.1.2. Ban Kiểm soát:

1. Ông Phan Đình Bội Trưởng Ban KS.
2. Ông Trần Văn Đức Ủy viên Ban KS.
3. Ông Võ Sáng Xuân Vinh Ủy viên Ban KS.

Tóm tắt lý lịch:

- **Bà Đoàn Thị Đông – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
(*Xem chi tiết phần Ban điều hành*)
- **Bà Nguyễn Thị Diệu – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/3/1962
- Số CMND: 024856639
Cấp ngày 07/12/2007 tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 57/4/1 Lê Văn Lương, H.Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 6299 2082
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - Năm 1985 - 1995: Cán bộ chuyên quản – Phó phòng – Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp Sở Tài chính Thuận Hải (nay là Bình Thuận)

- Năm 1995 - 1999: Phó Cục trưởng Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Bình Thuận.
 - Năm 1999 – 6/2004: Phó Giám đốc Sở Tài chính Bình Thuận.
 - Tháng 6/2004 – 10/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp số 02 – TP.Hồ Chí Minh thuộc Công ty cổ phần Xây lắp Thủy sản Việt Nam .
 - Tháng 10/2007- nay: Chuyên viên đầu tư, Phó Giám đốc Chi nhánh khu vực phía Nam – Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- **Ông Tô Hải - Thành viên hội đồng Quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
 - Nơi sinh: Thái Bình
 - Số CMND: 022977047
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 08.3914.3588
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
 - Quá trình công tác:
 - Từ năm 1997 - 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam.
 - Từ năm 2001-2002: Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt.
 - Từ 2002-2003: Trưởng phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Đông Á.
 - Từ 2003-2007: Giám đốc Chi nhánh – Công ty Chứng Khoán Bảo Việt.
 - Từ T10/2007 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty Chứng khoán Bản Việt.
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị .
- **Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/5/1976
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 022974097
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: TP.HCM
 - Địa chỉ thường trú: 60/7I Tổ 20, KP4, P.Tân Hưng Thuận, Q.7, TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 0907 909 966



- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - o Từ Tháng 7/1997 đến tháng 8/2006: Trưởng phòng – Sở giao dịch Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
 - o Từ tháng 8/2006 đến nay: Tổng giám đốc công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Tổng Giám Đốc Công ty Kho vận Sài Gòn Thương Tín.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị.
- **Ông Phan Đình Bội – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 17/07/1951
 - Nơi sinh: Hà Bắc
 - Số CMND: 022052470
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hà Bắc
 - Địa chỉ thường trú: 269/5 Xô viết Nghệ Tĩnh-P24-Q.Bình Thạnh-TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (109)
 - Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 04/1972 đến 07/1981: Bộ đội lái xe tải binh trạm 21 Cục Vận tải.
 - + Từ 08/1981 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - o Lái xe tải, kỹ thuật viên, đội phó đội xe.
 - o Chuyên viên Kế hoạch nghiệp vụ.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
- **Ông Trần Văn Đức - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 13/04/1963
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 023913521
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: 93/17 XVNT, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

- Số Điện thoại liên lạc: 3731 0033
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Thương Nghiệp.
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 01-1982 đến 12-2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - o Kế toán viên, Tổ trưởng Kế toán.
 - o Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế thuộc Công ty CP Kho Vận Miền Nam, Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát kiêm Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD
- **Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam**
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - CMND số: 022728615
 - Cấp ngày: 24/7/2003 Tại: TPHCM
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Vĩnh Long
 - Địa chỉ thường trú: 17 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
 - Số điện thoại liên lạc: 3820 2131
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh (MBA) chuyên ngành Tài Chính (Anh Quốc), Văn bằng CFA (Mỹ).
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 4/1998 – 11/2001: Phó Phòng Thẩm Định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU).
 - + Từ 11/2001 – 7/2003: Cán bộ đầu tư Mekong Capital.
 - + Từ 7/2003-7/2005: Phó Giám Đốc Công Ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Nghệ ECO.
 - + Từ 7/2005 – 4/2007: Giám đốc Đầu tư VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - + Từ 5/2007 – 12/2007: Trưởng Đại diện VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - + Từ 01/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital).
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát.

8.1.3. Tỉ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ
1	Đoàn Thị Đông	Chủ tịch HĐQT	7,194	0.09%
2	Nguyễn Thị Diệu (đại diện SCIC)	Phó CT HĐQT	3,985,942	47.73%
3	Tô Hải	Thành viên HĐQT	831,386	9.95%
4	Nguyễn Thế Vinh	Thành viên HĐQT	1,691,339	20.25%
5	Phan Đình Bội	Trưởng BKS	5,000	0.06%
6	Trần Văn Đức	Thành viên BKS	5,975	0.07%
7	Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên BKS	2,807	0.03%
	Tổng cộng:		6,529,643	78.18%

8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,351,857	83,518,570	99.849				8,351,857	83,518,570	100
1. Cổ đông Nhà nước	3,985,942	39,859,420	47.725				3,985,942	39,859,420	47.725
2. Cổ đông đặc biệt	2,551,478	25,514,780	30.550				2,551,478	25,514,780	30.55
- Hội đồng quản trị	2,529,919	25,299,190	30.292				2,529,919	25,299,190	30.292
- Ban Tổng Giám đốc (*)	6,965	69,650	0.083				6,965	69,650	0.083
- Ban kiểm soát	13,782	137,820	0.165				13,782	137,820	0.165
- Kế Toán Trưởng	812	8,120	0.01				812	8,120	0.01
4. Cổ đông khác	1,801,817	18,018,170	21.574	12620	126200	0.2	1,814,437	18,144,370	21.725
- Cá nhân	1,801,776	18,017,760	21.573	180	1800	0.002	1,801,956	18,019,560	21.576
- Tổ chức	41	410	0.0	12440	124400	10	12,481	124,810	0.149
II. Cổ phiếu quỹ									

Ghi chú:

(*): không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

(**): Cổ Đông là CBNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BTGD, BKS và KTT.

8.2.2. Cơ cấu tỉ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,339,237	83,392,370	100				8,351,857	83,518,570	100
Cổ đông sáng lập	3,993,136	39,931,360	48				3,993,136	39,931,360	48
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2,522,725	25,227,250	30				2,522,725	25,227,250	30
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,025,705	10,257,050	12				1,025,705	10,257,050	12
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	797,671	7,976,710	10	12,620	126,200	0.15	810,291	8,102,910	10



Cung cấp giải pháp kho đa chức năng!



